TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2022
V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Lê Sỹ Nghiêm.

2. Ông Lê Đức Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2021/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021 về việc "Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-DS ngày 23/11/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tiểu khu TH, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Lê N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tiểu khu TH, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê N xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống và có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi

kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Tháng 8/2018 mâu thuẫn bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường bất đồng quan điểm. Trong cuộc sống, anh N không tu chí làm ăn. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được 2 bên gia đình giàn xếp nhưng không có kết quả. Chị và anh N sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Lê N.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê N có 1 con chung là Lê Hương T, sinh ngày 27/9/2014, hiện con chung đang sống cùng với chị. Nguyện vọng của chị M khi ly hôn là được nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía anh Lê N:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho anh N. Anh N đã nhận văn bản của Tòa án nhưng không đến để làm việc theo giấy triêu tập của Tòa án, cũng không giao nộp văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình ông Lê Huy K ở tiểu khu TH, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Lê Huy K cho biết: Anh Lê N là con trai của ông, có hộ khẩu thường trú tại thị trấn NC, huyện NC. Anh N đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa. Lý do anh N không đến Tòa án làm việc là do anh N không đồng ý ly hôn với chị M.

Về hôn nhân: Anh N và chị M tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, anh N và chị M chung sống cùng nhà với ông bà. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng sau đó lại tự giàn xếp được. Quan điểm của gia đình ông cũng như anh N mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Anh N và chị M có 1 con chung là Lê Hương T, sinh ngày 27/9/2014, cháu hiện đang ở với chị M.

Về tài sản: Chị M và anh N không có tài sản chung.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

** Về tố tụng:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và hội đồng xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư

cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với anh N không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh N theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

Về hôn nhân: Chị M và anh N kết hôn với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 218 thì phát sinh mâu thuẫn, khi mâu thuẫn xảy ra, đã được hai bên gia đình giàn xếp nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày một trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2021 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị M được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị M và anh N có với nhau một con chung là Lê Hương T, sinh ngày 27/9/2014, hiện nay con chung đang ở cùng chị M. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng 2.000.000đ. Xét thấy yêu cầu nuôi con của chị M là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị M thấy rằng: Mức yêu cầu của chị là cao so với mặt bằng chung địa phương, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị M mỗi tháng 1.500.000đ là phù hợp với thực tế.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội. chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy

định của pháp luật. Anh Lê N là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc M khởi kiện xin ly hôn anh Lê N có hộ khẩu thường trú tại thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê N vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê N thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 09/12/2021 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Lê N, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Lê N vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, tuy nhiên anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh N là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê N xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng chưa tìm cách giải quyết thì chị M lại đưa con về ngoại ở, mỗi người một nơi dẫn đến chị M không còn tình cảm với anh N. Đối với anh N mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng nhiều lần Tòa án triệu tập đến để tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh N không đến, thể hiện anh cũng không quan tâm, tha thiết níu kéo tình cảm. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị M và anh N đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị M xin được ly hôn anh N. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê N có 1 con chung là Lê Hương T, sinh ngày 27/9/2014, cháu đang ở với chị M. Nguyện vọng của

chịu khi ly hôn là được nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Về phía cháu Trà cũng có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét yêu cầu về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung của chị M thấy rằng: Sau khi chị M và anh N sống ly thân, con chung ở cùng chị M, nguyện vọng của cháu cũng muốn được ở cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị M, giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện của chị M và đảm bảo được việc chăm sóc con tốt hơn sau khi ly hôn. Đối với việc chị M đề nghị anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ thấy rằng: tại phiên tòa chị M cho rằng anh N là người không chịu làm việc và không có công việc ổn định. Trong khi đó so với mức sống bình quân tại địa phương theo yêu cầu của chị M là cao, không hợp lý. Vì vậy, buộc anh Lê N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ là phù hợp với thực tế địa phương và thu nhập của anh N.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc M khởi kiện vụ án ly nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn anh Lê N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hương T, sinh ngày 27/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ, kể từ tháng 01 năm 2022 đến khi con thành niên.

Anh Lê N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác cho các bên đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2019/0002463 ngày 10/8/2021, chấp nhận chị M đã nộp đủ. Anh Lê N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị M, vắng mặt anh N. Chị M được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND TT NC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh